

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ HẠNH

VẬN DỤNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Chuyên ngành: KẾ TOÁN
Mã ngành: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS. TRƯƠNG BÁ THANH**

Phản biện 1: **TS. TRẦN ĐÌNH KHÔI NGUYỄN**

Phản biện 2: **GS.TS NGUYỄN QUANG QUYNH**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày
25 tháng 8 năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết đề tài

Kế toán có vai trò tích cực trong việc quản lý điều hành và kiểm soát hoạt động kinh tế tài chính. Tuy nhiên, để kế toán phát huy toàn diện chức năng thông tin và chức năng kiểm tra, thì cần phải xây dựng một hệ thống kế toán hoàn chỉnh bao gồm cả hai phân hệ kế toán tài chính và kế toán quản trị. Trong đó kế toán tài chính phản ánh thông tin xảy ra trong quá khứ mang tính chất khách quan. Thông tin do kế toán quản trị cung cấp mang tính linh hoạt, phản ánh xu hướng biến động, có tính dự báo, có thể phục vụ cho việc đánh giá và xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với mục tiêu đã được xác lập.

Vì vậy, việc xây dựng hệ thống kế toán hoàn chỉnh trong đó đề cao vai trò của kế toán quản trị là một vấn đề quan trọng cho mọi đơn vị kế toán.

Là thành viên chính thức của WTO, Việt Nam thực sự hội nhập vào thị trường quốc tế. Hệ thống giáo dục đại học Việt Nam đang chuyển mình vươn lên phát triển trong tầm cao mới. Với vai trò là Đại học trọng điểm quốc gia ở khu vực Miền Trung và Tây Nguyên, để thích nghi với yêu cầu trong thời kỳ mới, Đại học Đà Nẵng đã không ngừng đổi mới công tác đào tạo và quản lý, trong đó có công tác quản lý tài chính. Tuy nhiên, để chủ động chi tiêu trong nguồn tài chính hiện có, Đại học Đà Nẵng cần triệt để kiểm soát các khoản chi chưa thật sự cần thiết và tăng các nguồn thu từ các hoạt động của đơn vị, đưa ra những thông tin quan trọng cho các nhà quản lý trong việc hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và ra quyết định.

Với đề tài "Vận dụng kế toán quản trị tại Đại học Đà Nẵng"

là một vấn đề mang tính cấp thiết cả về lý luận lẫn thực tiễn giai đoạn hiện nay. Đặc biệt là sau khi nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của chính phủ về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Vận dụng kế toán quản trị với những nội dung phù hợp có thể áp dụng đối với trường đại học công lập theo quy chế tài chính mới.

- Đánh giá những biểu hiện của việc vận dụng kế toán quản trị tại Đại học Đà Nẵng.

- Đưa ra những giải pháp tổ chức thực hiện kế toán quản trị tại Đại học Đà Nẵng, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, nâng cao công tác đào tạo tại Đại học Đà Nẵng.

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Nội dung kế toán quản trị vận dụng vào các trường đại học công lập.

- Phạm vi nghiên cứu: Vận dụng kế toán quản trị tại Đại học Đà Nẵng năm 2011.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài, để đạt được mục tiêu nghiên cứu tác giả đã sử dụng phương pháp chung là nghiên cứu lý luận về kế toán quản trị theo quan điểm phát triển xem xét tình hình thực tiễn về kế toán quản trị tại trường đại học công lập để ứng dụng lý luận vào thực tiễn.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Về mặt cơ sở lý luận, luận văn đã góp phần làm rõ bản chất của kế toán quản trị, khẳng định vai trò và vị trí của kế toán quản trị

trong trường đại học công lập.

- Về ý nghĩa thực tiễn, luận văn đã nêu được thực trạng công tác kế toán quản trị tại Đại học Đà Nẵng và đưa ra các nội dung kế toán quản trị có thể vận dụng tại Đại học Đà Nẵng.

6. Kết cấu của luận văn

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán quản trị

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán quản trị tại Đại học Đà Nẵng

Chương 3: Vận dụng kế toán tại Đại học Đà Nẵng

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

1.1. LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

1.1.1. Khái niệm kế toán quản trị

Theo luật kế toán Việt Nam (2003) “*Kế toán quản trị là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế tài chính theo yêu cầu quản trị và ra quyết định kinh tế tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán*”

1.1.2. Sự ra đời và phát triển của kế toán quản trị

Quá trình ra đời và phát triển của kế toán quản trị có thể chia thành những giai đoạn chính sau đây:

Giai đoạn 1: Trước năm 1950

Giai đoạn 2: Vào những năm 1960

Giai đoạn 3: Vào những năm 1980

Giai đoạn 4: Vào những năm 1990

1.1.3. Đặc điểm thông tin của Kế toán quản trị

Kế toán quản trị là chuyên ngành kế toán cung cấp các thông tin kinh tế - tài chính gắn liền với quan hệ dự báo, đánh giá, kiểm

soát và trách nhiệm trong việc điều hành tổ chức hàng ngày của nhà quản trị ở các bộ phận.

1.1.4. Vai trò kế toán quản trị với các chức năng quản lý

Quản trị một doanh nghiệp bao gồm các chức năng cơ bản là: Hoạch định, tổ chức, kiểm soát, đánh giá và ra quyết định. Mỗi liên hệ giữa mỗi chức năng với kế toán quản trị thể hiện như sau: cung cấp thông tin cho quá trình hoạch định; cung cấp thông tin cho quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch; cung cấp thông tin cho quá trình kiểm soát; cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định

1.2. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP VIỆT NAM

1.2.1. Các trường đại học công lập là các đơn vị sự nghiệp có thu

Đơn vị sự nghiệp có thu là đơn vị sự nghiệp hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước quyết định thành lập. Có hai loại đơn vị sự nghiệp có thu: đơn vị sự nghiệp có thu tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên; đơn vị sự nghiệp có thu tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên

1.2.2. Cơ chế hoạt động của trường đại học công lập

1.3. NỘI DUNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ VẬN DỤNG TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

1.3.1. Những điểm khác biệt giữa doanh nghiệp và trường đại học công lập

Thứ nhất: Quá trình tạo ra sản phẩm trong trường đại học công lập khác với một doanh nghiệp đó là sự khác biệt về đối tượng và tính chất của quá trình.

Thứ hai: Đặc điểm sản phẩm của trường học công lập không thể định lượng bằng đơn vị tiền tệ một cách khách quan như là doanh thu của một doanh nghiệp.

Thứ ba: Khách hàng trong nhà trường là thị trường lao động. Điểm khác biệt này đòi hỏi cần phải có sự chuẩn bị thật kỹ lưỡng cho quá trình đào tạo.

Tuy nhiên, có thể xem giáo dục là một dịch vụ bao trùm liên quan đến toàn xã hội, là một loại hình dịch vụ đặc biệt.

1.3.2. Sự cần thiết vận dụng kế toán quản trị vào trường đại học công lập

Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập với nền kinh tế thế giới, sự cạnh tranh đã và đang diễn ra trong lĩnh vực giáo dục đại học. Do đó để thu hút được sinh viên và thu hút được các nguồn tài trợ của các tổ chức trên thế giới, buộc nhà quản lý các trường đại học phải xây dựng được thương hiệu của trường mình, nghĩa là phải làm như thế nào để sản phẩm giáo dục đạt chất toàn diện, chứng tỏ khả năng quản lý của mình thật hiệu quả.

1.3.3. Chi phí và phân loại chi phí trong trường đại học công lập

Chi phí được định nghĩa là giá trị tiền tệ của các khoản hao phí bỏ ra nhằm tạo ra các loại tài sản, hàng hoá hoặc các dịch vụ.

Phân loại chi phí trong trường đại học công lập bao gồm: Phân loại chi phí theo công dụng kinh tế; phân loại chi phí theo nội dung kinh tế; phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí

1.3.4. Xây dựng dự toán

Dự toán giữ một vai trò quan trọng trong công tác kế toán quản trị của các trường Đại học công lập, nhằm đảm bảo sự giám sát của cơ quan cấp trên về lĩnh vực tài chính của đơn vị, đồng thời giúp cho đơn vị bảo đảm cân đối thu chi.

1.3.4.1. Vai trò của trong hoạt động trường đại học công lập

1.3.4.2. Cơ sở để xây dựng dự toán

1.3.4.3. Nội dung xây dựng dự toán

- a. Xây dựng dự toán thu
- b. Xây dựng dự toán chi
- c. Dự toán kết quả hoạt động tài chính
- d. Dự toán phân phối kết quả hoạt động tài chính

1.3.5. Kiểm tra đánh giá thực hiện

- a. Kiểm tra công tác thu
- b. Kiểm tra công tác chi
- c. Đánh giá tình hình hoạt động giữa thực hiện và dự toán

1.3.6. Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định

1.3.6.1. Thiết lập hệ thống báo cáo kế toán quản trị

1.3.6.2. Thu thập thông tin thích hợp cho việc ra quyết định

Quyết định mang tính ngắn hạn

Quyết định mang tính dài hạn

1.3.6.3. Phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận

Phân tích CVP là kỹ thuật đánh giá ảnh hưởng của những thay đổi về chi phí, số lượng sinh viên đối với hiệu quả hoạt động của trường, do đó việc phân tích này cung cấp thông tin cho việc ra quyết định của các nhà quản trị.

Phân tích điểm hoà vốn: phân tích điểm hoà vốn là khởi điểm của phân tích CVP. Mặc dù điểm hoà vốn không phải là mục tiêu của các trường nhưng việc phân tích này sẽ ra mức hoạt động cần thiết để tránh lỗ, ngoài ra còn cung cấp thông tin liên quan đến cách ứng xử của chi phí khi số sinh viên đào tạo khác nhau theo từng lớp, từng hệ. Phân tích mức đào tạo sinh viên cần thiết để đạt mức lợi nhuận mong muốn. Xác định mức thu học phí cho số lượng sinh viên cần đào tạo, chi phí và lợi nhuận mong muốn

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Thông tin do kế toán quản trị cung cấp đóng một vai trò rất lớn trong việc ra quyết định của các nhà quản trị. Nó giúp cho nhà quản trị có cái nhìn xuyên suốt từ khâu lập dự toán, tổ chức thực hiện, đến kiểm tra đánh giá và cuối cùng ra quyết định. Trong các trường đại học công lập ở Việt Nam hiện nay, kế toán quản trị là một khái niệm còn khá mới mẻ. Vì vậy, trong chương 1 này tác giả nghiên cứu lý luận về kế toán quản trị nói chung và vận dụng kế toán quản trị vào các trường đại học công lập với ý nghĩa quan trọng là vận dụng lý luận để giải quyết những vấn đề thực tiễn về kế toán quản trị tại trường đại học công lập.

Chương 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

2.1. ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Đại học Đà Nẵng được thành lập theo Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ trên cơ sở hợp nhất các cơ sở đào tạo Đại học, Cao Đẳng và Trung học chuyên nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng với 5 Trường trực thuộc. Trong quá trình phát triển, Đại học Đà Nẵng không ngừng mở rộng quy mô. Cho đến nay Đại học Đà Nẵng có 4 Trường Đại học, 2 Trường Cao đẳng, Phân hiệu Đại học tại Kontum, Viện Anh ngữ liên danh với Đại học Queensland Úc, 1 khoa và 6 trung tâm trực thuộc.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức và lĩnh vực hoạt động

2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức

Đại học Đà Nẵng được tổ chức theo mô hình Đại học vùng với các đơn vị thành viên là các trường Đại học, Khoa, Trung tâm chuyên

ngành và các đơn vị tham mưu nghiệp vụ là các Ban trực thuộc

2.1.2.2. Đặc điểm và lĩnh vực hoạt động

Do cơ cấu tổ chức nhiều cấp của một Đại học vùng, việc phân cấp quản lý của Đại học Đà Nẵng cũng có những khác biệt so với mô hình đại học khác.

2.1.3.1. Phân cấp quản lý tài chính

Đại học Đà Nẵng: là đơn vị dự toán cấp 2

Các trường thành viên và các đơn vị trực thuộc: là đơn vị dự toán cấp 3

2.1.3.2. Phân cấp về quản lý đào tạo

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán

2.1.5. Tổ chức công tác kế toán

Chế độ kế toán đang áp dụng tại Đại học Đà Nẵng hiện nay là chế độ kế toán theo quyết định 19/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 30/03/2006 và TT 185/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 về sửa đổi bổ sung chế độ kế toán HCSN ban hành theo QĐ19/2006/QĐ-BTC, của Bộ Tài chính. Theo quy định của Luật Kế toán và Nghị định số 128/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực kế toán nhà nước.

2.1.6. Phân loại các đơn vị thành viên Đại học Đà Nẵng

- Phân loại theo chức năng nhiệm vụ được giao
- Phân loại theo khả năng về tự chủ tài chính theo nghị

định 43/2006-CP.

2.2. KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN TẠI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Do phạm vi nghiên cứu đề tài tập trung nghiên cứu vận dụng kế toán quản trị tại Đại học Đà Nẵng. Căn cứ vào quy mô hoạt động

của các đơn vị thành viên, tác giả tiến hành khảo sát nhóm đơn vị đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên đại diện Trường Đại học Bách khoa và nhóm đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên đại diện là Viện Anh ngữ (sau đây gọi chung hai đơn vị thành viên trên là đơn vị).

2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị

2.2.2. Tổ chức công tác kế toán tại đơn vị

Hiện nay, tại đơn vị công tác kế toán đều được tổ chức theo một mô hình thống nhất chung. Công tác kế toán được tin học hóa hoàn toàn với phần mềm kế toán sự nghiệp có thu đang sử dụng ‘DTsort’. Chế độ kế toán áp dụng theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 30/03/2006 của Bộ Tài chính và TT 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2011, bao gồm:

Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán.

Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán.

Tổ chức hệ thống sổ kế toán;

2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Thực tế, cho đến nay ở nước ta việc vận dụng về kế toán quản trị vẫn còn đang hạn chế. Cho đến năm 2006 thì Bộ Tài Chính ban hành thông tư số 53/2006/TT-BTC về hướng dẫn kế toán quản trị nhưng chỉ áp dụng cho doanh nghiệp còn đơn vị hành chính sự nghiệp thì bỏ ngỏ. Để thích nghi với yêu cầu trong thời kỳ mới, Đại học Đà Nẵng đã không ngừng đổi mới công tác đào tạo và quản lý, trong đó có công tác quản lý tài chính. Vì vậy việc vận dụng kế toán quản trị tại Đại học Đà Nẵng là điều hiển nhiên. Những biểu hiện của công tác KTQT đó là:

2.3.1. Công tác xây dựng dự toán

Trên cơ sở nguồn kinh phí được cấp và nguồn thu được để lại, khi xây dựng dự toán các đơn vị cần chú trọng từ dự toán chi tiết đến dự toán tổng thể. Với mục đích làm thế nào để sử dụng được nguồn kinh phí một cách khoa học và có hiệu quả cao nhất.

2.3.1.1. Các cơ sở để xây dựng dự toán

2.3.1.2. Quy trình xây dựng dự toán

2.3.1.3. Nội dung xây dựng dự toán

a. Xây dựng dự toán thu

Xây dựng dự toán thu đóng một vai trò quan trọng trong công tác xây dựng dự toán nó được lập đầu tiên và là căn cứ để xây dựng các dự toán khác còn lại trong đơn vị bao gồm: xây dựng dự toán NSNN cấp; xây dựng dự toán nguồn thu phí, lệ phí; xây dựng dự toán thu nguồn thu khác

b. Xây dựng dự toán chi hoạt động thường xuyên

Trên cơ sở dự toán nguồn thu hoạt động thường xuyên đã được xây dựng. Đơn vị tiến hành xây dựng dự toán chi hoạt động thường xuyên. Xây dựng dự toán chi theo bốn nhóm mục chi sau: nhóm 1 dự toán các khoản chi thanh toán cá nhân; nhóm 2 dự toán các khoản chi hàng hoá, dịch vụ; nhóm 3 dự toán chi đầu tư phát triển; nhóm 4 dự toán khoản chi khác

c. DT kết quả hoạt động TC và phân phối kết quả tài chính

Sau khi dự toán được phân chênh lệch thu lớn hơn chi thì đơn vị xây dựng dự toán phân phối kết quả hoạt động tài chính (trích lập các quỹ). Các quỹ được trích lập bao gồm: dự toán quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; dự toán quỹ thu nhập tăng thêm; dự toán quỹ phúc lợi; dự toán quỹ khen thưởng; dự toán quỹ dự phòng ổn định thu nhập

2.3.2. Kiểm tra, kiểm soát đánh giá tình hình thực hiện dự toán

Kiểm tra và đánh giá là chức năng quan trọng trong quá trình quản lý. Nó hướng cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ hoạt động đúng so với dự toán được xây dựng. Ngoài ra nó còn giúp cho nhà quản trị có những xem xét, điều chỉnh dự toán sao cho phù hợp với điều kiện thực tế

2.3.2.1. Kiểm tra nguồn thu học phí

2.3.2.2. Kiểm tra nguồn chi hoạt động thường xuyên

Trong quá trình kiểm tra, kiểm soát nếu có những khoản chi nào vượt mức so với dự toán đã được xây dựng thì đơn vị tìm ra nguyên nhân và có những hướng điều chỉnh kịp thời.

Thực tế, qua khảo sát tại hai đơn vị là Trường Đại học Bách khoa và Viện Anh ngữ cho thấy công tác lập dự toán đã đạt được kết quả tương đối tốt đáp ứng kịp thời nhu cầu của đơn vị. Tuy nhiên trong quá trình lập dự toán đơn vị vẫn có những hạn chế sau:

Thứ nhất: Dự toán được lập chưa sát với thực tế, không lường hết được hết nhu cầu chi tiêu của đơn vị.

Thứ hai: Trong công tác dự toán thu học phí đôi lúc vẫn chưa có sự đối chiếu thường xuyên giữa các bộ phận chức năng trong từng kỳ, để có số lượng sinh viên thực tế chính xác trong kỳ cung cấp cho bộ phận kế toán dự toán nguồn thu chính xác.

Thứ ba: Trong dự toán chi đối với nhóm mục chi thanh toán hàng hóa dịch vụ các đơn vị trong quá trình xây dựng dự toán đã chưa tính đến hệ số trượt giá của một số mặt hàng do nhà nước tăng giá bán: xăng, dầu, điện, nước, gas...

Thứ tư: Thuyết minh dự toán còn sơ sài, chưa đánh giá hết và nêu bật được ưu nhược điểm trong quá trình thực hiện thu chi dự

toán năm trước, chưa nêu ra các kiến nghị và biện pháp khắc phục cho dự toán năm tiếp theo.

Thứ năm: Chưa thật sự có sự phối hợp chặt chẽ nhịp nhàng và đồng bộ giữa các bộ phận chức năng với nhau trong quá trình xây dựng dự toán.

Thứ sáu: Việc kiểm tra, kiểm soát công tác lập dự toán của Đại học Đà Nẵng đối với các đơn vị thành viên vẫn còn hình thức, chưa chặt chẽ.

2.3.3. Về cung cấp thông tin thích hợp cho việc ra quyết định

Cung cấp thông tin cho việc ra quyết định ngắn hạn

Phân tích điểm hòa vốn.

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Thứ nhất là trong công tác kế toán cũng có những biểu hiện nhất định của kế toán quản trị đó là: có tiến hành lập dự toán thu hằng năm, phản ánh các khoản thu chi theo từng hoạt động riêng, có tiến hành phân tích hoạt động (phân tích quyết toán) nhưng việc phân tích chỉ dừng lại ở mức độ so sánh chỉ tiêu kỳ này so với kỳ trước hoặc so với kế hoạch. Việc phân tích nguyên nhân chênh lệch và ứng dụng nó để ra quyết định trong tương lai thì không được thực hiện.

Thứ hai là bộ máy kế toán của các đơn vị chủ yếu thực hiện kế toán tài chính chưa quan tâm đến quá trình thu nhận, cung cấp thông tin cho mục tiêu kế toán quản trị

Thứ ba là phân loại chi phí không theo những tiêu thức thích hợp phục vụ cho nhu cầu quản trị mà theo mục lục ngân sách, vì vậy sẽ gây khó khăn cho quá trình trình kiểm soát chi phí

Thứ tư là công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động thu chi thường xuyên so với dự toán đã xây dựng của đơn vị được thực hiện

thường xuyên. Nếu có những khoản chi nào vượt mức so với dự toán thì đơn vị tìm ra nguyên nhân và có hướng điều chỉnh kịp thời, chưa xảy ra tình trạng đơn vị sử dụng nguồn kinh phí không có trong dự toán được lập.

Thứ năm là còn một số nhà quản trị các trường họ chưa nhận thức được vai trò quan trọng cũng như tính hữu ích của thông tin kế toán quản trị trong quá trình điều hành và ra quyết định của đơn vị mình.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua tìm hiểu thực trạng công tác kế toán tại Đại học Đà Nẵng cụ thể là hai đơn vị thành viên Trường Đại học Bách khoa và Viện Anh ngữ tác giả nhận thấy trong công tác kế toán đã có biểu hiện của kế toán quản trị như tiến hành lập dự toán, phân tích quyết toán nhưng những nội dung đó chưa làm rõ được vai trò quan trọng của kế toán quản trị là cung cấp thông tin hữu ích cho việc lập kế hoạch, tổ chức điều hành hoạt động, kiểm tra và ra quyết định

Vậy những nội dung nào của kế toán quản trị có thể vận dụng tại Đại học Đà Nẵng, giúp các nhà quản trị quản lý, điều hành có hiệu quả. Vấn đề sẽ được giải đáp ở chương 3.

Chương 3

VẬN DỤNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

3.1. TÍNH TẤT YẾU VÀ YÊU CẦU VIỆC VẬN DỤNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Với cơ chế tài chính mới hiện nay, để thích nghi các nhà quản trị của đơn vị cũng cần phải hướng đến quản lý trường như một doanh nghiệp, mặc dù trên thực tế hiện nay giáo dục đại học chưa được thừa

nhận là kinh doanh. Để quản lý tốt thì nhà quản trị cần có nhiều công cụ và nhiều kênh thông tin khác nhau, trong đó kênh thông tin do KTQT cung cấp rất hữu ích. Nó giúp cho nhà quản trị thấy được vai trò quan trọng của công tác xây dựng dự toán, cũng như kiểm soát công tác thực hiện thu chi so với dự toán đã được xây dựng để tìm ra nguyên nhân và có biện pháp điều chỉnh kịp thời nếu xảy ra sai lệch. Ngoài ra nó còn cung cấp thông tin để hỗ trợ cho các nhà quản trị ra các quyết định kịp thời chính xác. Vì vậy việc vận dụng KTQT trong công tác quản lý tài chính đối với Đại học Đà Nẵng là điều tất yếu nó giúp cho đơn vị quản lý tài chính một cách hiệu quả hơn hoàn thành tốt sứ mệnh của mình trong công tác đào tạo.

3.2. ĐỊNH HƯỚNG VÀ HOÀN THIỆN NỘI DUNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG.

Trên cơ sở yêu cầu khi tổ chức vận dụng kế toán quản trị tác giả xin đưa ra một số nội dung kế toán quản trị có thể vận dụng tại đơn vị.

3.2.1. Hoàn thiện công tác xây dựng dự toán thu chi

❖ Xây dựng mô hình lập dự toán tại đơn vị

Từ quá trình phân tích, tập hợp chi phí đơn vị sẽ tiến hành lập dự toán thu chi tổng thể theo mô hình thông tin 1 lên, 1 xuống.

Theo mô hình này, dự toán được lập từ cấp quản lý cấp thấp đến cấp quản lý cao nhất. Dự toán của cấp nào do chính người quản lý của cấp đó đệ trình lên cấp trên. Hằng năm, tại các bộ phận đào tạo căn cứ vào khả năng, điều kiện, nhiệm vụ được giao tiến hành lập dự toán chi tiết chuyển cho cấp trung gian (các bộ phận quản lý chức năng). Trên cơ sở tổng hợp các chỉ tiêu dự toán, các bộ phận chức năng trình lên lãnh đạo. Lãnh đạo xem xét các chỉ tiêu dự toán, cùng

với sự tham mưu của các bộ phận chức năng, kết hợp với tầm nhìn tổng quát về toàn bộ hoạt động của đơn vị sẽ xem xét và phê duyệt dự toán. Trong quá trình xây dựng dự toán, yêu cầu các bộ phận cần có sự phối hợp nhịp nhàng với nhau. Như vậy tất cả các cấp đều cùng tham gia vào quá trình lập dự toán, thu hút được trí tuệ, kinh nghiệm của các cấp tham gia vào quá trình lập dự toán tạo ra dự toán có tính chính xác, có tính khả thi cao.

❖ *Xây dựng dự toán chi phân bổ theo thời gian*

Đơn vị cần lập dự toán chi phân bổ theo thời gian (tháng hoặc quý) giúp cho đơn vị chủ động trong quá trình chi tiêu và có những hướng điều chỉnh kịp thời những khoản chi nào vượt mức so với dự toán đã được xây dựng, tránh tình trạng những tháng (quý) đầu năm chi tiêu nhiều và những tháng (quý) cuối năm thì hết kinh phí và ngược lại.

❖ *Xây dựng dự toán linh hoạt*

Đối với các lớp liên kết đào tạo thí nghiệm – thực hành mở tại trường đại học bách khoa, hoặc các khóa đào tạo tiếng Anh chuẩn đầu ra cho học viên cao học, các khóa bồi dưỡng tiếng Anh tiên tiến sĩ mở tại Viện Anh ngữ... Đơn vị nên xây dựng dự toán linh hoạt theo từng phạm vi hoạt động, nó giúp cho đơn vị xác định các chi phí tương ứng với các mức độ phạm vi khác nhau.

3.2.2. Hoàn thiện công tác kiểm tra kiểm soát, đánh giá phân tích chi phí

Công tác kiểm tra, kiểm soát đóng vai trò quan trọng trong hoạt động quản lý của đơn vị nhằm phát hiện ra những sai sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của từng nội dung thu chi so với dự toán để có các biện pháp xử lý chấn chỉnh kịp thời, đảm bảo đạt được

yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Ngoài ra, kiểm tra kiểm soát nhằm cung cấp đầy đủ thông tin cho các nhà quản trị, giúp các nhà quản trị đưa ra các quyết định phù hợp. Trong quá trình nghiên cứu và khảo sát công tác kiểm tra kiểm soát tại Trường Đại học Bách Khoa và Viện Anh ngữ, thì đơn vị cần hoàn thiện một số nội dung sau:

3.2.2.1. Vận dụng định mức chi phí

Định mức chi phí đóng một vai trò rất quan trọng trong hoạt động thu chi của đơn vị là căn cứ để các đơn vị tiến hành xây dựng dự toán và cũng chính là cơ sở để đơn vị kiểm tra, kiểm soát quá trình thu chi. Hiện nay, Trường Đại học Bách Khoa và Viện Anh ngữ đã có quy chế chi tiêu nội bộ, nhìn chung các định mức chi và tỷ lệ phân bổ cho các nguồn chi tương đối phù hợp với tình hình hoạt động chung của đơn vị, tuy nhiên cũng có nội dung cần phải xây dựng định mức qui định chi tiết hơn, cụ thể hơn. Do quy chế nội bộ đã được xây dựng từ nhiều năm một số định mức chi không còn phù hợp với điều kiện thực tế. Vì vậy cần phải có sự điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với thực tế.

Trên cơ sở sử dụng kết hợp giữa hai phương pháp đó là phương pháp thống kê kinh nghiệm và phương pháp phân tích kinh tế - kỹ thuật để xây dựng định mức chi phí. Khi xây dựng định mức chi phí yêu cầu đơn vị cần phải đáp ứng được các yếu tố sau:

- Định mức chi phí phải đáp ứng được yêu cầu tối thiểu và cần thiết cho việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể và phù hợp với điều kiện thực tế.
- Định mức chi phí phải đảm bảo cân đối, hài hòa, cân bằng cho các đối tượng áp dụng.
- Định mức chi phí phải ổn định, có thể sử dụng trong

một thời gian dài để làm cơ sở cho việc xây dựng dự toán cũng như kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện dự toán.

Nội dung cần phải xây dựng định mức thu tại Trường Đại học Bách Khoa và Viện Anh ngữ gồm: định mức tỷ lệ trích nộp các hệ đào tạo do Trường Đại học Bách Khoa và Viện Anh ngữ quản lý, trên nguyên tắc đảm bảo lấy thu bù chi và có tích lũy; định mức trích nộp khi sử dụng các trang thiết bị do Trường Đại học Bách Khoa quản lý; định mức tỷ lệ đóng góp của các trung tâm trực thuộc tại Trường ĐHBK; định mức thu đối với đối với việc cung cấp các dịch vụ phòng ốc tại Viện Anh ngữ.

Nội dung cần phải xây dựng định mức chi tại Trường Đại học Bách Khoa và Viện Anh ngữ gồm: xây dựng định mức chi phí vật liệu thí nghiệm cho từng khoa tại Trường Đại học Bách khoa; xây dựng định mức chi phí đi thực tập, thực tế cho sinh viên Trường Đại học Bách khoa; định mức hỗ trợ hoạt động văn thể cho từng sinh viên Trường Đại học Bách khoa; định mức khoán xăng dầu, khoán văn phòng phẩm, khoán công tác phí ...tại Trường Đại học Bách Khoa và Viện Anh ngữ.

3.2.2.2. Thiết lập hệ thống báo cáo kiểm soát chi phí

Trong quá trình hoạt động tại Trường Đại học Bách Khoa, Viện Anh Ngữ đã có quy định chế độ, định mức thu chi và dự toán thu chi đã được xây dựng từ đầu năm, tuy nhiên thực tế tại các đơn vị vẫn phát sinh những khoản chi cao hơn hoặc thấp hơn định mức quy định. Do vậy, để cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản trị để quyết định điều chỉnh cho phù hợp thì yêu cầu cần thiết lập các báo cáo kiểm soát. Như báo cáo kiểm soát theo nhóm mục chi hoặc báo cáo các khoản mục thu.

3.2.3. Cung cấp thông tin thích hợp cho việc ra quyết định

Quá trình ra quyết định của các nhà quản trị là lựa chọn nhiều phương án khác nhau, trong đó mỗi phương án được xem xét bao gồm rất nhiều thông của KTQT đặc biệt là thông tin về chi phí với mục đích đạt được các lợi ích kinh tế cao nhất.

3.2.3.1. Phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận

Để xác định được nội dung các khoản biến phí, định phí, thặng dư mục tiêu, số dư đảm phí mục tiêu, chúng ta sẽ phân tích thông qua mô hình mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận (CVP).

Trong các doanh nghiệp phân tích mối quan hệ CVP là một biện pháp hữu ích trong việc lựa chọn đề ra quyết định liên quan đến chi phí, khối lượng sản phẩm để đảm bảo một mức lợi nhuận mong muốn. Tại trường đại học công lập, tuy mục đích không phải là lợi nhuận nhưng cũng có thể vận dụng mô hình này để phục vụ cho việc ra quyết định của các nhà quản trị, đó là việc phân tích mối quan hệ giữa lợi ích và chi phí để làm cơ sở lựa chọn các phương án khác nhau với mục đích đạt được hiệu quả đào tạo như mong muốn.

Phân tích điểm hòa vốn: Phân tích điểm hòa vốn giúp cho các nhà quản trị có thể xem xét quá trình đào tạo một cách chủ động và tích cực, xác định trường hợp nào thì mở rộng, duy trì hay thu hẹp quy mô đào tạo nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Tiếp cận theo phương trình thì điểm hòa vốn là điểm mà tại đó:

$$\sum \text{doanh thu} = \sum \text{biến phí} + \sum \text{định phí}$$

hoặc $\sum \text{doanh thu} - \sum \text{biến phí} - \sum \text{định phí} = 0$

Trong phạm vi đề tài này khi chọn tính điểm hòa vốn tác giả chọn cách ứng xử chi phí theo số lượng sinh viên (học viên) trong một lớp học, vậy:

Xác định biến phí: là những khoản chi phí có quan hệ tỷ lệ thuận với số lượng sinh viên (học viên). Khi tính cho một sinh viên (học viên) thì biến phí không đổi. Nếu không có sinh viên (học viên) biến phí bằng không. Theo cách ứng xử chi phí trên thì các chi phí sau được xem là biến phí: chi phí vật tư phục vụ cho thí nghiệm của sinh viên, chi phí vật liệu phục vụ công tác giảng dạy...

Xác định định phí: là những khoản chi phí không thay đổi theo sự biến động của số lượng sinh viên (học viên), nhưng khi tính cho một sinh viên (học viên) thì định phí thay đổi. Theo cách ứng xử chi phí trên thì các chi phí sau được xem là biến phí: Chi phí tiền giờ giảng, chi phí tiền quản lý (tiền lương, tiền phụ cấp), chi đầu tư cơ sở vật chất phục vụ lớp học...

Số dư đảm phí = Mức thu học phí SV (HV) – Biến phí 1SV(HV)

Xác định tỷ lệ số dư đảm phí:

$$\text{Tỷ lệ số dư đảm phí} = \frac{\text{Số dư đảm phí tính trên 1 SV (HV)} * 100\%}{\text{Mức học phí thu được 1 SV(HV)}}$$

Tiếp cận theo số dư đảm phí thì điểm hòa vốn là điểm mà tại đó:

$$\begin{aligned} \text{Số lượng sinh viên (học viên) đào tạo hòa vốn (tối thiểu)} &= \frac{\text{Định phí}}{\text{Số dư đảm phí tính trên 1 SV(HV)}} \\ \text{Thu nhập hòa vốn} &= \frac{\text{Định phí}}{\text{Tỷ lệ số dư đảm phí}} \end{aligned}$$

Xác định thặng dư mục tiêu: Mặc dù với mục tiêu không vì lợi nhuận, nhưng các đơn vị đào tạo vẫn cần phải cân đối giữa chi phí và thu nhập để tạo ra một khoản thặng dư nhằm chi tiêu chung cho các hoạt động phúc lợi của đơn vị và tích lũy để xây dựng và phát triển đơn vị trong tương lai.

Số dư đảm phí mục tiêu: là số dư đảm phí mà các đơn vị muốn đạt được để có thể bù đắp định phí và tạo ra thặng dư mục tiêu.

Từ việc xác định số lượng sinh viên (học viên) đào tạo tối thiểu, trường có thể xác định số lượng sinh viên (học viên) cần thiết đào tạo để đạt thặng dư mục tiêu.

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng SV (học viên)} \\ \text{đạt thặng dư mục tiêu} \end{array} \quad = \quad \frac{\text{Định phí} + \text{Thặng dư mục tiêu}}{\text{Số dư đảm phí tính trên 1 SV (học viên)}}$$

3.2.3.2. Phân tích biên

Ở trên chúng ta đã nhấn mạnh đến sự hữu dụng của việc phân tích điểm hòa vốn trong hoạch định. Nhưng một phép phân tích tương tự sẽ không thể ứng dụng trong việc ra các quyết định ngắn hạn. Chi phí biên (hoặc doanh thu biên) là chi phí (hoặc doanh thu) mà một đơn vị quy định của hoạt động tăng thêm sẽ mang lại (hoặc) tạo ra.

Phân tích biên là sự so sánh giữa chi phí biên và lợi nhuận biên là phương pháp tiếp cận cơ bản đối với việc ra quyết định ngắn hạn trong đó việc xem xét hoạch định không còn phù hợp nữa.

3.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

3.3.1. Xây dựng mô hình bộ máy kế toán kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Để có thể vận dụng và phát huy được công tác kế toán quản trị trong đơn vị công việc đầu tiên cần phải có bộ máy kế toán khoa học. Trên cơ sở số lượng và trình độ hiện có của nhân viên kế toán, đơn vị tổ chức và sắp xếp lại bộ máy kế toán trong đơn vị theo hướng kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị.

3.3.2. Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán

Ngoài việc sử dụng các chứng từ thống nhất ban hành theo quyết định 19/2006/QĐ- BTC và Thông tư 185/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 về sửa đổi bổ sung chế độ kế toán HCSN ban hành theo QĐ19/2006/QĐ-BTC và các văn bản khác có liên quan. Trên cơ sở các chứng từ kế toán đó, đơn vị có thể cụ thể hóa nội dung cần thiết trên chứng từ để tập hợp chi phí và doanh thu theo yêu cầu quản trị. Bao gồm chi tiết theo đối tượng chịu chi phí, chi tiết theo biến phí và định phí.

3.3.3. Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán, sổ kế toán và để tập hợp chi phí và phản ánh doanh thu

Để đáp ứng được yêu cầu đối chiếu thông tin chi tiết giữa kế toán quản trị với thông tin tổng hợp kế toán tài chính yêu cầu đơn vị cần đồng nhất sử dụng hệ thống tài khoản kế toán. Có như vậy mới đem lại thông tin chính xác và hiệu quả cao

Để phản ánh chi tiết nguồn thu sử dụng TK 5111, TK 5118

Để phản ánh nguồn chi sử dụng TK 66121 (chi tiết theo từng nguồn chi như nguồn học phí chính quy, học phí liên kết đào tạo... và theo từng khoản mục chi như chi phí lương và phụ cấp theo lương, chi phí tiền giờ giảng, chi phí nghiệp vụ chuyên môn...theo từng bộ phận).

Trên cơ sở dữ liệu của nguồn thu và chi phí của các tài khoản trên đơn vị có thể kết xuất ra được các dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác lập sổ kế toán cũng như các báo cáo cung cấp thông tin cho việc lập dự toán, báo cáo phân tích doanh thu, báo cáo phân tích chi phí,...nhằm cung cấp kịp thời thông tin cho các nhà quản trị đơn vị.

3.4. CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ ĐỂ THỰC HIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

3.4.1. Đối với nhà nước và các cơ quan chức năng

Hiện nay chưa có một văn bản nào quy định hoặc hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp có thu vận dụng kế toán quản trị. Tuy nhiên trong thực tiễn các đơn vị đã có biểu hiện vận dụng kế toán quản trị để phục vụ cho công tác quản lý của đơn vị. Để các đơn vị có thể vận dụng kế toán quản trị trong thời gian tới, tác giả đưa ra một số kiến nghị đối với nhà nước và cơ quan chức năng như sau:

- Nhà nước cần sớm ban hành những văn bản hướng dẫn, vận dụng kế toán quản trị vào các đơn vị sự nghiệp có thu để các đơn vị có thể vận dụng cụ thể vào trong quá trình quản lý hoạt động của đơn vị để đạt được hiệu quả tối đa mục tiêu đề ra.
- Một giải pháp không thể thiếu để vận dụng kế toán quản trị một cách tốt nhất vào các trường đại học công lập đó chính là vấn đề đào tạo bồi dưỡng nguồn lực thực hiện kế toán quản trị. Vì vậy Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chủ quản hàng năm nên tổ chức những lớp tập huấn bồi dưỡng về vận dụng kế toán quản trị cho các Trường đại học công lập trực thuộc bộ.

3.4.2. Đối với ĐHDN và các đơn vị thành viên

- Đại học Đà Nẵng và các đơn vị thành viên cần phải xây dựng bổ sung, điều chỉnh một số nội dung định mức của quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay của đơn vị, làm căn cứ xây dựng dự toán một cách hợp lý cũng như kiểm tra kiểm soát quá trình thực hiện dự toán tại đơn vị.

- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp quy mới và cử cán bộ kế toán đi đào tạo và bồi dưỡng về kiến thức kế toán quản trị.

- Ngoài phần mềm kế toán tài chính Đại học Đà Nẵng xây dựng cho các đơn vị thành viên đang hiện nay, thì Đại học Đà Nẵng cần xây dựng thêm phần mềm kế toán quản trị trên cơ sở nền tảng chung và nó sẽ được điều chỉnh linh hoạt tùy theo đặc điểm đào tạo riêng của từng đơn vị.

- Và cuối cùng, điều quan trọng là cần nâng cao nhận thức và trình độ quản lý về lĩnh vực kế toán nói chung và kế toán quản trị nói riêng cho các nhà quản trị các đơn vị, để các nhà quản trị thấy được vai trò quan trọng của thông tin do bộ phận kế toán quản trị cung cấp để đưa ra quyết sách đúng đắn và kịp thời.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Kế toán quản trị có vai trò tích cực trong quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế tài chính. Trong phạm vi chương 3, tác giả đã nêu ra nội dung của kế toán quản trị có thể vận dụng đó là: hoàn thiện công tác lập dự toán, phân tích chi phí, định mức chi phí ngoài ra cũng cần có những giải pháp hỗ trợ từ nhà nước và các cơ quan chức năng cũng như đơn vị áp dụng.

KẾT LUẬN

Với sự thay đổi ngày càng mạnh mẽ trong cơ chế quản lý tài chính tại các Trường đại học công lập hiện nay, thì các nhà quản trị cần phải tiếp cận với phương pháp quản lý tài chính theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm làm thế nào để sử dụng hiệu quả tốt nhất nguồn lực tài chính hiện có.

Tác giả chọn đề tài: “Vận dụng kế toán quản trị tại Đại học Đà Nẵng” là đề tài có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn, luận văn đã tập trung giải quyết được một số vấn đề sau:

Hệ thống hóa cơ sở lý luận mà trường đại học công lập có thể vận dụng KTQT như khái niệm KTQT, đặc điểm thông tin KTQT, nội dung kế toán quản trị có thể vận dụng trong các trường đại học công lập. Trên cơ sở phân tích thực trạng việc vận dụng KTQT tại Đại học Đà Nẵng, từ đó đánh giá khách quan những ưu và nhược điểm và nguyên nhân của những tồn tại khi vận dụng KTQT.

Từ thực trạng của việc vận dụng KTQT tại Đại học Đà Nẵng luận văn đã đưa ra những nội dung có thể vận dụng KTQT đối với các trường đại học công lập là đơn vị sự nghiệp có thu nói chung và tại Đại học Đà Nẵng nói riêng. Đề có thể vận dụng được KTQT, luận văn cũng đã đưa ra những giải pháp và các kiến nghị đối với cơ quan nhà nước để Đại học Đà Nẵng thực thi có hiệu quả.

Với mục tiêu luận văn đã thực hiện thì nhìn chung luận văn đã đáp được yêu cầu đề ra. Tuy nhiên, để có những nội dung KTQT đi vào thực tiễn và trở thành công cụ hữu ích hỗ trợ cho nhà quản trị trong công tác quản lý thì yêu cầu cần phải có sự phối hợp của các nhà quản trị trong đơn vị.

Cùng với sự đổi mới và phát triển không ngừng của hệ thống giáo dục đại học, chắc chắn còn nhiều vấn đề phát sinh cần phải nghiên cứu và hoàn thiện. Với trình độ có hạn, mặc dù đã rất cố gắng nhưng luận văn không tránh khỏi thiếu sót nhất định tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp để luận văn được hoàn chỉnh hơn.